

Số: 567/2021/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 495/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Phạm Văn Z, sinh năm 1984; Địa chỉ: căn hộ 412 chung cư A 3 – đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1985; Địa chỉ: căn hộ 412 chung cư A 3 – đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2005 ngày 16/12/2005 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Đ thì quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn Z và bà Trần Thị Nh là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2005 ngày 16/12/2005. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không còn tình cảm. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 02 con chung Phạm Khánh L, sinh ngày 06/11/2006 và Phạm Nhật M, sinh ngày 14/01/2013. Hai bên thỏa thuận ly hôn bà Trần Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Khánh L và Phạm Nhật M, ông Phạm Văn Z cấp dưỡng nuôi 01 con/tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung lần lượt thành niên.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn Z và bà Trần Thị Nh cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Z và bà Trần Thị Nh thuận tình ly hôn (Ông Phạm Văn Z và bà Trần Thị Nh đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyền số 01/2005 ngày 16/12/2005 của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định).

- Về con chung: Có 02 con chung Phạm Khánh L, sinh ngày 06/11/2006 và Phạm Nhật M, sinh ngày 14/01/2013. Hai bên thỏa thuận ly hôn bà Trần Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Phạm Khánh L và Phạm Nhật M, ông Phạm Văn Z cấp dưỡng nuôi 01 con/tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung lần lượt thành niên.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn Z có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Phạm Văn Z và bà Trần Thị Nh chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0030581 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND xã Nghĩa Tân,
huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc